

Số: 22/2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025; số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 39/2025/TT-



BKHCN ngày 30/11/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1125/BC-VHXXH ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện:

1. Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN);

2. Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là chương trình, nhiệm vụ); hoạt động hỗ trợ theo khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thanh Hóa;

2. Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thanh Hóa;

3. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Một số mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Chi tiền thù lao

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	<i>Chi họp Hội đồng</i>		
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ Hội đồng	1.800.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500.000
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
b	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Đồng/người/ phiếu nhận xét	700.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		1.000.000
c	<i>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</i>		



TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ nhiệm vụ	700.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500.000
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	<i>Chi hợp Hội đồng</i>		
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ Hội đồng	1.500.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000.000
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
b	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Đồng/người/ phiếu nhận xét	500.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		700.000
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	01 nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/ Hội đồng	1.800.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500.000
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
b	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Đồng/người/	700.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện	phiếu nhận xét	1.000.000
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
a	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BNV ngày 05/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá, gói thầu
	Chủ tịch Hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
	Thư ký khoa học	Công	
	Thư ký hành chính	Công	
b	Chi nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Đồng/người/phiếu nhận xét	1.000.000
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Đồng/người	1.500.000

b) Chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được áp dụng bằng 80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200.000

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) theo thực tế phát sinh, phù hợp với khối lượng công việc và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá: Áp dụng mức chi công tác phí đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 7 Nghị quyết này.

6. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Thanh Hóa có thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BNV ngày 05/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2026/TT-BNV); các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.



Điều 4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập

1. Trong quá trình quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thuê chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN để thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 8 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

2. Thuê chuyên gia tư vấn độc lập áp dụng theo mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BNV, trừ mức thù lao chi trả cho chuyên gia độc lập được quy định tại mục 5 điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá chính sách, chương trình, kế hoạch, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện các nội dung công việc quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Chi thuê tổ chức tư vấn độc lập dựa trên số lượng chuyên gia tư vấn cần thiết và áp dụng theo mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác để phục vụ hoạt động của tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan.

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập, dịch vụ thuê ngoài phục vụ đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phân tích, đánh giá, kiểm định chất lượng dây chuyền công nghệ, sản phẩm, máy móc, thiết bị được áp dụng theo mức lương theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BNV và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 5. Mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở

Chi hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được áp dụng mức chi bằng 70% mức chi tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

Chương III

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 6. Chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao cho các chức danh, nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng là 70 triệu đồng/người/tháng; đối với các nhóm chức danh, chức danh khác (thành viên chính, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông), thư ký khoa học), mức chi thù lao tối đa bằng 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Hệ số lao động khoa học của các chức danh và dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Mức chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất và tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

Điều 7. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Mức chi được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; và Nghị quyết số 185/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về đối tượng khách mời và mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 03/11/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

2. Phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Người chủ trì	Đồng/buổi	2.000.000
2	Thư ký	Đồng/buổi	700.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/báo cáo	5.000.000

4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	Đồng/báo cáo	3.000.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/người/buổi	300.000

Điều 8. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Mức chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc, theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 9. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chi cho Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 10. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chi cho tổ chức chủ trì thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 11. Mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 12. Mức hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 13. Mức hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Mức hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 14. Mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở

Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được áp dụng mức chi như sau:

1. Chi thù lao cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ; chi công tác quản lý chung thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại Điều 6, khoản 3 Điều 7, Điều 9, Điều 10 tại Nghị quyết này.

2. Các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này và các quy định khác có liên quan.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thì được tiếp tục áp dụng nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ, tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.



2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thì được tiếp tục áp dụng nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 17 của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong
Nguyễn Hồng Phong